

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TRUNG CẤP - ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-HVPNVN ngày ... tháng ... năm 2017
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)*

Tên chương trình: Công tác xã hội

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công tác xã hội (Social Work)

Mã số đào tạo:

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành công tác xã hội có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; nắm vững hệ thống kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề Công tác xã hội; có khả năng nghiên cứu, phát hiện và giúp cá nhân, nhóm và cộng đồng tự giải quyết những vấn đề xã hội.

Người học tốt nghiệp trình độ đại học có tư duy khoa học, có năng lực cung cấp các dịch vụ công tác xã hội chuyên nghiệp trong hệ thống tổ chức Hội, tại các cơ sở và tổ chức xã hội trong các lĩnh vực an sinh xã hội, sức khỏe và giáo dục; có khả năng tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến nghề công tác xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng; luật pháp, chính sách của Nhà nước, các kiến thức cơ bản về xã hội học, các lý thuyết và mô hình công tác xã hội; các phương pháp công tác xã hội chuyên nghiệp; kiến thức hỗ trợ và ứng dụng vào việc phân tích, xây dựng kế hoạch, hỗ trợ thực hiện và lượng giá tiến trình giải quyết vấn đề. Đồng thời có kiến thức nghiên cứu và xây dựng các mô hình tiếp cận khác nhau giúp đỡ đối tượng có vấn đề trong cuộc sống; kiến thức nghiên cứu và xây dựng chính sách.

1.2.2. Kỹ năng

- Sử dụng các kỹ năng trong công tác xã hội cá nhân, nhóm vào việc cung cấp các dịch vụ trợ giúp cá nhân, gia đình và nhóm nhằm tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề và đáp ứng nhu cầu của mình;

- Có kỹ năng đánh giá, phát hiện các vấn đề trong cộng đồng, huy động nguồn lực phát triển cộng đồng, tham gia quản lý và thực hiện các dự án phát triển cộng đồng;
- Có kỹ năng vận động, tham gia xây dựng chính sách xã hội và các chính sách có liên quan;
- Có kỹ năng nghiên cứu, đánh giá chính sách và mô hình giúp đỡ;
- Có kỹ năng phân tích, đánh giá, áp dụng mô hình tiếp cận, phục vụ cho phát triển nghề nghiệp (giảng dạy, kiểm huấn).
- Có kỹ năng làm việc với một số nhóm đối tượng.

1.2.3. Thái độ

Người học có tinh thần trách nhiệm trong công việc; yêu nghề; có đạo đức nghề nghiệp; biết cách vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề công tác xã hội trong thực hiện vai trò và nhiệm vụ của mình.

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp ngành công tác xã hội trình độ đại học có thể đảm nhận các vị trí sau:

- Là cán bộ, chuyên viên trong các cơ quan chuyên trách Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.
- Là cán bộ, chuyên viên làm việc độc lập tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể.
- Là cán bộ hoạch định chính sách xã hội, chuyên viên, nghiên cứu viên trong các cơ quan của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Là nghiên cứu viên về Công tác xã hội trong các viện nghiên cứu, học viện, trung tâm...
- Là nhân viên xã hội, kiểm huấn viên trong các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cho các đối tượng xã hội khác nhau thuộc các lĩnh vực: y tế, giáo dục, pháp luật, phúc lợi xã hội...
- Là nghiên cứu viên, chuyên viên, kiểm huấn viên... trong các tổ chức phi chính phủ trong nước và nước ngoài.

2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp của các trường đã có báo cáo tự đánh giá và triển khai kiểm định chất lượng theo tiến độ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;
- Thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề của các trường đã có báo cáo tự đánh giá và triển khai kiểm định chất lượng theo tiến độ do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;
(Có danh mục ngành, nghề đào tạo kèm theo tại Phụ lục 1).

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Theo Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định Đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học và Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

Thí sinh tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề, ngành gần, phù hợp với ngành đăng ký dự thi phải bổ túc kiến thức hoặc chuyển đổi ngành để đạt yêu cầu chuyên môn dự thi (Có danh mục các môn học bổ sung kèm theo tại Phụ lục 2).

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo theo thiết kế: 80 tín chỉ (viết tắt là TC), chưa kể Học phần Giáo dục Quốc phòng - an ninh (8 TC).

5. THANG ĐIỂM

Theo Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo theo thiết kế: 80 Tín chỉ (viết tắt là TC), chưa kể Giáo dục quốc phòng (8 TC).

6.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 24 TC (chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

- Các học phần bắt buộc: 22 TC

STT	Mã Học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
6.1.1. Lý luận chính trị (10 TC)			
1	DHCT01	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin (HP1)	2
2	DHCT02	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin (HP2)	3
3	DHCT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	DHCT04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
6.1.2. Khoa học xã hội (3 TC)			
5	DHNC04	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3
6.1.3. Ngoại ngữ (9 TC)			
6	DHNT05	Tiếng Anh A1	3
7	DHNT06	Tiếng Anh A2	3
8	DHNT07	Tiếng Anh B1	3
6.1.4. Giáo dục Quốc phòng - An ninh			
9	DHQG03	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8

- Các học phần tự chọn: 2 TC (chọn 1/2 Học phần):

STT	Mã Học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ
10	DHXXH03	Dân số và phát triển	2
11	DHPL07	Soạn thảo văn bản	2

6.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 56 TC

6.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành: 13 TC

- Các học phần bắt buộc: 11 TC

STT	Mã Học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ
12	DHVVH02	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
13	DHTL02	Tâm lý học phát triển	2
14	DHTL06	Hành vi con người và môi trường xã hội	2
15	DHCB02	Chính sách xã hội	3
16	DHCB07	Tham vấn cơ bản	2

- Các học phần tự chọn: 2 TC (chọn 1/2 học phần)

STT	Mã Học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ
17	DHTL09	Kỹ năng sống	2
18	DHXXH09	Sức khỏe cộng đồng	2

6.2.2. Kiến thức ngành: 32 TC

- Các học phần bắt buộc: 20 TC

STT	Mã Học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ
19	DHCB13	Đạo đức nghề Công tác xã hội	2
20	DHCB22	Lý thuyết công tác xã hội	3
21	DHCB05	Công tác xã hội cá nhân	2
22	DHCB29	Công tác xã hội gia đình	2
23	DHCB19	Công tác xã hội nhóm	2
24	DHCB20	Phát triển cộng đồng	2
25	DHCB16	Thực hành CTXH cá nhân và nhóm	3
26	DHCB08	Thực hành Phát triển cộng đồng	2
27	DHCB27	Quản trị ngành Công tác xã hội	2

- Các môn tự chọn: 12 TC (chọn 4/6 học phần)

STT	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC
28	DHCI05	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	3

29	DHCI06	Công tác xã hội với người cao tuổi	3
30	DHCI07	Công tác xã hội với người khuyết tật	3
31	DHCI09	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	3
32	DHCI10	CTXH trong phòng, chống Bạo lực gia đình	3
33	DHCI12	Công tác xã hội trong trường học	3

6.2.3. Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận: 11 TC

34	DHTT06	Thực tập tốt nghiệp	5
35	DHKL02	Khóa luận tốt nghiệp hoặc chọn 2/4 chuyên đề sau để học:	6
36	DHCI08	Công tác xã hội với nạn nhân bị mua bán	3
37	DHCI11	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	3
38	DHCI13	Công tác xã hội trong bệnh viện	3
39	DHCI14	Công tác xã hội với người nhiễm HIV/AIDS và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	3

7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

NĂM THỨ NHẤT

HỌC KỲ 1			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin (học phần 1)	3	Không
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin
4	Học phần tự chọn (Phần Giáo dục đại cương)	2	Các học phần lý luận chính trị
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Không
6	Tâm lý học phát triển	2	Tâm lý học đại cương
7	Tiếng Anh 1	3	Không
8	Giáo dục quốc phòng an ninh	8	Không
	Tổng số	17	Chưa kể 8 TC GDQPAN

HỌC KỲ 2			
	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
9	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin (học phần 1)	2	Không
10	Học phần tự chọn (Phần kiến thức cơ sở của ngành)	2	Các học phần GDĐC
11	Hành vi con người và môi trường xã hội	2	Tâm lý học phát triển
12	Chính sách xã hội	3	Không
13	Đạo đức nghề Công tác xã hội	2	Nhập môn Công tác xã hội
14	Phương pháp Nghiên cứu KH	3	Không
15	Tiếng Anh A2	3	Tiếng Anh A1
	Tổng số	17	
NĂM THỨ HAI			
HỌC KỲ 3			
	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
16	Lý thuyết công tác xã hội	3	Nhập môn công tác xã hội
17	Tham vấn trong CTXH	2	Nhập môn công tác xã hội
18	Công tác xã hội cá nhân	2	Nhập môn Công tác xã hội
19	Công tác xã hội gia đình	2	Nhập môn Công tác xã hội
20	Công tác xã hội nhóm	2	Nhập môn Công tác xã hội
21	Thực hành công tác xã hội 1&2	3	Công tác xã hội cá nhân Công tác xã hội nhóm
22	Tiếng Anh B1	3	Tiếng Anh A2
	Tổng số	17	
HỌC KỲ 4			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
23	Quản trị ngành Công tác xã hội	2	Nhập môn công tác xã hội
24	Phát triển cộng đồng	2	Nhập môn Công tác xã hội
25	Thực hành công tác xã hội 3	2	Phát triển cộng đồng
26	Học phần tự chọn 1	3	Công tác xã hội cá nhân

	(CTXH chuyên biệt)		Công tác xã hội nhóm
27	Học phần tự chọn 2 (CTXH chuyên biệt)	3	Công tác xã hội cá nhân Công tác xã hội nhóm
28	Học phần tự chọn 3 (CTXH chuyên biệt)	3	Công tác xã hội cá nhân Công tác xã hội nhóm
29	Học phần tự chọn 4 (CTXH chuyên biệt)	3	Công tác xã hội cá nhân Công tác xã hội nhóm
	Tổng số	18	

NĂM THỨ BA (HỌC KỲ 5)

HỌC KỲ 5			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
30	Thực tập tốt nghiệp	5	Hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo
	Khóa luận TN hoặc Học phần CTXH chuyên biệt: 6TC		
31	Khóa luận tốt nghiệp	6	Hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo
32	Học phần tự chọn 1 (thuộc phần khóa luận tốt nghiệp)	3	Nhập môn Công tác xã hội
33	Học phần tự chọn 2 (thuộc phần khóa luận tốt nghiệp)	3	Nhập môn Công tác xã hội
	Tổng số	11	

Lưu ý:

1. Tất cả sinh viên đều phải thực tập nghề nghiệp và phải làm báo cáo thực tập để có điểm thực tập nghề nghiệp;
2. Sinh viên có điểm học tập trung bình chung toàn khóa từ 2.50 (thang điểm 4) trở lên được làm khóa luận tốt nghiệp; tỷ lệ sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp không quá 20% tổng số sinh viên của toàn khóa.
3. Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp không phải thi tốt nghiệp nhưng phải trình bày khóa luận tốt nghiệp trước Hội đồng bảo vệ khóa luận tốt nghiệp;
4. Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp sẽ chọn 2/4 học phần (6 tín chỉ) thuộc bộ môn Công tác xã hội chuyên biệt trong phần khóa luận tốt nghiệp để học.

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Khi xây dựng nội dung môn học, cần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên nhằm tăng cường ứng dụng nghề nghiệp.

- Khi lập kế hoạch đào tạo, cần cân đối giữa các khối kiến thức.

8.1. Về việc xây dựng đề cương chi tiết học phần

Giảng viên môn xây dựng đề cương chi tiết môn học cần chú ý đến những kiến thức phục vụ trực tiếp và thiết thực cho việc đào tạo, cân đối giữa lý thuyết và thực hành.

8.2. Về phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy hướng vào việc tăng cường tính tự giác, chủ động, tích cực và sáng tạo. Cụ thể:

- Sử dụng các hình thức thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thực hành sắm vai, phát vấn...
- Rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày, kỹ năng hợp tác...

8.3. Về đánh giá kết quả học tập

Quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam.


TS. Trần Quang Tiến